Tiếp cận và công bằng trong giáo dục trẻ khuyết tật giai đoạn 2011 - 2020

Nguyễn Thị Kim Hoa
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Email: hoantk@vnies.edu.vn

TÓM TẮT: *Công bằng trong giáo dục vừa là mục tiêu cần đạt được vừa là tiêu chí quan trọng để phát triển trình độ giáo dục của một quốc gia. Thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu, trọng tâm là các báo cáo của Chính phủ, Quốc hội, các Bộ, ban ngành và các tổ chức quốc tế… để mô tả thực trạng tham gia giáo dục của trẻ khuyết tật trong giai đoạn 2011 - 2020, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo tiếp cận và công bằng giáo dục của trẻ khuyết tật trong giai đoạn tiếp theo.*

TỪ KHÓA: **Trẻ khuyết tật, tiếp cận giáo dục, công bằng giáo dục.**
➔ Nhận bài 05/10/2021 ➔ Nhận bài đã chỉnh sửa 20/10/2021 ➔ Duyệt đăng 05/11/2021.

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục hiện đại, công bằng trong giáo dục vừa là mục tiêu cần đạt được vừa là tiêu chí quan trọng để phát triển trình độ giáo dục của một quốc gia. Chính phủ Việt Nam cam kết tạo điều kiện cần thiết để mọi công dân, trong đó bao gồm cả trẻ khuyết tật đều được bình đẳng về cơ hội học tập và Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục (Khoản 1 và 2 Điều 13, Luật Giáo dục (2019)). Bài viết xem xét thực trạng tham gia giáo dục của trẻ khuyết tật trong giai đoạn 2011 - 2020, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo tiếp cận và công bằng giáo dục của trẻ khuyết tật trong giai đoạn 2021 - 2030.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số thuật ngữ

- ***Tiếp cận giáo dục bao gồm****:* Việc tuyển sinh đúng độ tuổi, sự tiến bộ theo kế hoạch của người học ở độ tuổi thích hợp; tình trạng đi học thường xuyên; kết quả học tập phù hợp với các tiêu chí thành tích quốc gia; môi trường học tập đủ an toàn cho việc học và các cơ hội học tập được phân bổ công bằng (Lewin, 2015: 29).

- ***Công bằng trong giáo dục***: Là thuật ngữ chỉ mức độ tiếp cận cơ hội giáo dục và học tập cho mọi người bình đẳng và phù hợp. Điều này hàm ý giảm thiểu sự chênh lệch, khác biệt dựa trên giới tính, nghèo đói, cư trú, dân tộc, ngôn ngữ và các đặc điểm khác.

Trong bài viết này, khi xem xét vấn đề tiếp cận và công bằng trong giáo dục sẽ dựa trên các tiêu chí chính sau đây: 1/ Về đi học đúng độ tuổi theo các giai đoạn, lứa tuổi nhà trẻ, mẫu giáo, giữa bậc học mầm non - tiểu học - trung học cơ sở - trung học phổ thông: cơ hội đi học đúng độ tuổi (theo Luật Giáo dục 2019), có bất bình đẳng gì không giữa trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật; 2/ Vùng miền: có bất bình đẳng gì không giữa các vùng/ miền; 3/ Về các điều kiện đảm bảo (giáo viên, nhân viên, chương trình, học liệu, cơ sở vật chất); 4/ Về giới tính: trẻ em nam, trẻ em gái...

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Việc tìm kiếm tài liệu phục vụ cho bài viết được thực hiện dựa trên tiêu chuẩn lựa chọn tài liệu trực tiếp, khoa học và cập nhật. Để đảm bảo các tiêu chí trên, chúng tôi đã lựa chọn những văn bản luật, chính sách, báo cáo liên quan đến giáo dục người khuyết tật cấp quốc gia từ các nguồn khác nhau đã được công bố từ năm 2011 đến tháng 9 năm 2021 của: Quốc hội, Chính phủ; Ủy ban Quốc gia Người khuyết tật, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Tổng cục Thống kê và các tổ chức Quốc tế như: UNICEF, UNESCO… Trên cơ sở các tài liệu tìm được, chúng tôi tiến hành mã hóa tài liệu và nhận thấy một số nhóm nội dung chính sau đây liên quan đến tiếp cận và công bằng giáo dục cho trẻ khuyết tật về số lượng; chất lượng, giới; cấp, bậc học; vùng miền và điều kiện đảm bảo… Sau đây là các kết quả thu được từ nghiên cứu tài liệu.

2.3. Thực trạng tiếp cận và công bằng giáo dục của trẻ khuyết tật

Theo Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật năm 2016 (Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật 2016, 2019, NXB Thống kê), có 2,79 % trẻ em có ít nhất một khuyết tật, tương đương với khoảng trên 663.900.000 trẻ em từ 2 đến 17 tuổi và 5,6 triệu người khuyết tật từ 18 tuổi trở lên. Trong đó, trẻ khuyết tật từ 2 - 4 tuổi chiếm 2,74%; trẻ khuyết tật từ 5 - 17 tuổi chiếm 2,81% tổng số trẻ em trong độ tuổi. Tỉ lệ trẻ khuyết tật theo chức năng cụ thể như sau: 0,84% trẻ thuộc nhóm khuyết tật nghe - nói; 0,15% trẻ thuộc nhóm khuyết tật nhìn; 0,56% trẻ thuộc nhóm khuyết tật vận động; 0,74% trẻ thuộc nhóm khuyết tật nhận thức và 0,78% trẻ thuộc nhóm khuyết

tật khác; trẻ khuyết tật tâm thần kinh là loại khuyết tật phổ biến nhất ở trẻ em chiếm 2,21% tổng số trẻ em cùng độ tuổi (xem Biểu đồ 1).

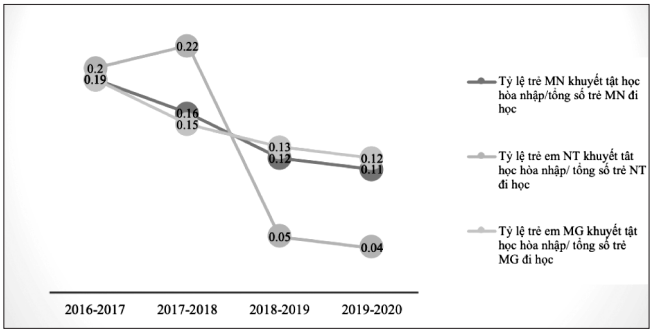

(Nguồn: Báo cáo thường niên, Vụ Giáo dục Mầm non, Bộ GD&ĐT (2016 – 2020)

Biểu đồ 1: Tỉ lệ trẻ em nhà trẻ và mầm non có khuyết tật học hoà nhập ở cơ sở giáo dục mầm non

Số liệu thu được từ báo cáo thường niên các Sở GD&ĐT gửi Bộ GD&ĐT cho thấy: trẻ em tuổi mầm non có khuyết tật đi học chiếm tỉ lệ rất thấp. Tỉ lệ trẻ khuyết tật đi học mầm non giai đoạn 2011 - 2015 là 0,1%, giai đoạn 2016 - 2020 là 0,18%, thấp hơn nhiều so với tỉ lệ 2,74% trẻ em 2 - 4 có khuyết tật/trẻ em trong độ tuổi, trên toàn quốc (Báo cáo Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam 2016, 2019, Tổng cục Thống kê). Một điểm đáng chú ý là tỉ lệ trẻ em khuyết tật mầm non đi học học hòa nhập có xu hướng giảm dần, từ 0,19% (năm 2016-2017) xuống 0,11% (năm 2019-2020). Rất ít trẻ em khuyết tật đi học nhà trẻ hòa nhập. Tỉ lệ trẻ khuyết tật nhà trẻ đi học hòa nhập cũng có xu hướng giảm dần trong 3 năm học gần đây. Ngược lại, tỉ lệ trẻ em khuyết tật mầm non tiếp cận giáo dục tại gia đình và các cơ sở ngoài trường mầm non có xu hướng tăng lên (Báo cáo hàng năm của Bộ GD&ĐT, 2016 - 2020).

Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi vào năm 2017. Theo kết quả Tổng Điều tra dân số năm 2019 của Tổng cục Thống kê và số liệu của Bộ GD&ĐT cho thấy, đến năm 2019 có 95,3% trẻ 5 tuổi đi học; 4,7% chưa đi học. Không có con số chính xác báo cáo về tỉ lệ trẻ khuyết tật 5 tuổi chưa đi học (xem Bảng 1).

Chiến lược Phát triển giáo dục 2011 - 2020 (Chiến lược Phát triển giáo dục 2011-2020, 2011, Bộ GD&ĐT) nêu rõ: "Đến năm 2020, tỉ lệ đi học đúng tuổi ở Tiểu học là 99%, Trung học cơ sở (THCS) là 95% và 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn Trung học phổ thông (THPT) và tương đương; có 70% trẻ em khuyết tật được đi học". Trong khi tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp Tiểu học (97,3%) và THCS (92,1%) và THPT (72%) (Theo Tổng Điều tra dân số năm 2019, Tổng cục Thống kê) của trẻ em và thanh thiếu niên không khuyết tật đang tiến rất gần với mục tiêu đặt ra thì con số này ở nhóm trẻ em và thanh thiếu niên có khuyết tật lại khá khiêm tốn. Báo cáo điều tra quốc gia người khuyết tật năm 2016 công bố có: 88,4% trẻ khuyết tật đang đi học cấp Tiểu học, 74% trẻ khuyết tật đang đi học cấp THCS và chỉ 39,4% trẻ khuyết tật đang đi học cấp ở cấp THPT. Trong đó, tỉ lệ đi học đúng độ tuổi của trẻ khuyết tật còn thấp hơn. Đáng báo động nhất là sự hạn chế trong tiếp cận giáo dục của nhóm trẻ khuyết tật nặng và đặc biệt nặng. Báo cáo giám sát thi hành Luật Giáo dục (2018) (Báo cáo giám sát thi hành Luật Giáo dục của Ủy ban Văn hóa Giáo dục Thanh Thiếu niên Nhi đồng (5/2018)) chỉ ra rằng, hơn 50% trẻ em có khuyết tật nặng chưa bao giờ được đi học. Không chỉ các trẻ em, thanh thiếu niên có khuyết tật nặng và đặc biệt nặng, nhiều trẻ em khuyết tật ở khu vực nông thôn, miền núi, mà nhiều trẻ khuyết tật trí tuệ, khuyết tật thần kinh tâm thần và đa khuyết tật gặp khó khăn để tiếp cận với giáo dục (Bộ GD&ĐT (2019), Báo cáo Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn).

So sánh tỉ lệ trẻ nam, nữ có khuyết tật tiếp cận với giáo dục cho thấy: Không có sự khác biệt lớn ở cấp Tiểu học. Tỉ lệ trẻ nữ có khuyết tật tiếp cận giáo dục giảm mạnh ở cấp THCS và THPT. Trẻ nữ có khuyết tật khó tiếp cận giáo dục ở các cấp học cao (xem Biểu đồ 2).

Bảng 1: Tỉ lệ trẻ em, thanh thiếu niên khuyết tật học hòa nhập ở các cơ sở giáo dục giáo dục phổ thông (Tổng cục Thống kê, (2018), Tổng Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật Việt Nam 2016)

Học sinh (HS) phổ thông	Tiểu học		THCS		THPT	
	Đúng độ tuổi (%)	Tổng (%)	Đúng độ tuổi (%)	Tổng (%)	Đúng độ tuổi (%)	Tổng (%)
Tổng HS	95,59	99	88,01	93,78	68,01	75,17
HS khuyết tật	81,69	88	67,43	74,68	33,56	39,35
HS không khuyết tật	96,05	100	88,59	94,32	68,65	75,83

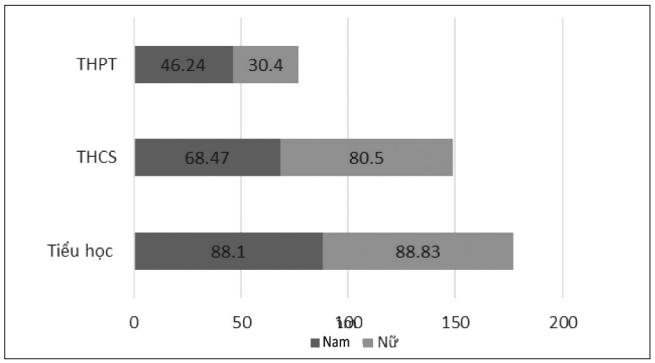

(Nguồn: Báo cáo Khảo sát quốc gia người khuyết tật 2016)

Biểu đồ 2: Tỉ lệ nam, nữ trẻ khuyết tật tiếp cận giáo dục

Trong số trẻ khuyết tật đang đi học, có tới 93,96% trẻ tham gia phương thức giáo dục hòa nhập; 6,04% trẻ tham gia phương thức giáo dục chuyên biệt. Số liệu Bộ GD&ĐT thu được từ các sở GD&ĐT hàng năm cho thấy: Từ năm 2015 - 2020, trong khi số lượng trẻ khuyết tật tham gia học hòa nhập tăng đều từng năm thì số lượng trẻ khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt khá ổn định. Không tìm thấy số liệu cụ thể của các nhóm trẻ khuyết tật nhìn, vận động, trí tuệ, tâm thần kinh tham gia các phương thức giáo dục. Riêng nhóm trẻ khuyết tật nghe có tới 26% tổng số trẻ đang học tập trong môi trường giáo dục chuyên biệt (Tổng cục Thống kế, (2019), Tổng Điều tra người khuyết tật Việt Nam 2016). Sở dĩ nhiều học sinh (HS) khuyết tật nghe nói chọn môi trường giáo dục chuyên biệt vì cho rằng, đây là môi trường ít rào cản nhất đối với khiếm khuyết của các em. Ngoại trừ những HS đã được can thiệp y tế, phục hồi chức năng hiện sử dụng máy trợ thính, cấy điện cực ốc tai, có khả năng sử dụng ngôn ngữ nói, số còn lại các gia đình và trẻ khuyết tật nghe có xu hướng lựa chọn môi trường có sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp và học tập.

Như vậy, có thể nhận định rằng: Số trẻ khuyết tật đi học và đi học đúng độ tuổi ở tất cả các cấp học ít hơn nhiều so với trẻ em không khuyết tật. Tình trạng chênh lệch về cơ hội đến trường càng đáng lo ngại hơn ở các cấp học cao hơn trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trẻ khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, trẻ khuyết tật có hoàn cảnh đặc biệt hoặc sinh sống ở những khu vực khó khăn và trẻ khuyết tật nữ là đối tượng khó tiếp cận giáo dục hơn. Có sự chênh lệch rất lớn về tỉ lệ trẻ khuyết tật tham gia các phương thức giáo dục khác nhau. Đến cuối năm 2020, mục tiêu 70% trẻ khuyết tật được đi học chưa đạt được.

2.4. Các điều kiện đảm bảo tiếp cận và công bằng giáo dục cho trẻ khuyết tật

- Về cơ sở vật chất trường, lớp

Mặc dù cơ sở vật chất trường/lớp được cải thiện trong những năm qua nhưng các cơ sở giáo dục chưa đáp ứng được nhu cầu tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật.

Thiếu cơ sở vật chất, trường/lớp công lập phục vụ cho giáo dục hòa nhập đối với trẻ 2 - 5 tuổi (Tổng cục Thống kê (2018), Báo cáo khảo sát quốc gia người khuyết tật Việt Nam 2016). Tỉ lệ trẻ em khuyết tật từ 2- 5 tuổi có sách, truyện tranh phù hợp là 34,01%; Tỉ lệ trẻ em khuyết tật từ 2- 5 tuổi có đồ chơi là 79,67%; Tỉ lệ trẻ em khuyết tật từ 2- 5 tuổi có sách, truyện tranh và đồ chơi là 32,82%. Rất ít trường mầm non có phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập để cung cấp dịch vụ trực tiếp cho trẻ em khuyết tật.

Trái ngược với hiện trạng các trường mầm non thuộc hệ thống công lập, trong 5 năm gần đây, số lượng cơ sở can thiệp dành cho trẻ khuyết tật ngoài công lập phát triển với tốc độ nhanh chóng. Các trung tâm này chịu sự quản lí của rất nhiều đơn vị chủ quản khác nhau. Theo thống kê ban đầu chưa đầy đủ: Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lí khoảng 40 cơ sở; Hội Tâm lí - Giáo dục Việt Nam quản lí hơn 100 cơ sở; Liên hiệp các Hội Khoa học và kĩ thuật Việt Nam quản lí 63 cơ sở và 20 cơ sở do các đơn vị khác nhau quản lí. Các cơ sở can thiệp ngoài công lập cung cấp dịch vụ ngày càng đa dạng cho trẻ khuyết tật mọi lứa tuổi. Đặc biệt, tại thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa… không chỉ nhiều về số lượng cơ sở mà chất lược và dịch vụ đáp ứng được đa dạng nhu cầu của gia đình trẻ khuyết tật. Vì thế, nhiều trẻ em khuyết tật mầm non trước 5 tuổi thay vì tham gia học hòa nhập ở các trường mầm non, nhiều gia đình lựa chọn dịch vụ can thiệp sớm, và giáo dục sớm tích cực tại nhà, hoặc các trung tâm can thiệp sớm (UNICEF, (2017) Nghiên cứu thực trạng can thiệp sớm Việt Nam, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam).

Hơn 90% trường tiểu học và THCS chưa có thiết kế cơ sở vật chất phù hợp với tiêu chuẩn tiếp cận dành cho trẻ khuyết tật. Chỉ có: 2,9% trường có thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn cho trẻ khuyết tật; 8,1% trường có lối đi, đường dốc dành cho trẻ khuyết tật và 9,9% trường có công trình vệ sinh được thiết kế phù hợp với nhu cầu của trẻ khuyết tật. Sự thiếu hụt này khiến môi trường học tập không thân thiện và cản trợ sự tiếp cận giáo dục của trẻ khuyết tật.

Các số liệu hiện tại thu được cũng cho thấy: Không có mối tương quan rõ ràng giữa tỉ lệ đi học của trẻ khuyết tật và tỉ lệ trường học có đầy đủ cơ sở vật chất. Tỉ lệ này trung bình ở mọi nơi đều rất thấp. Tuy nhiên, có thể xem xét sự tương quan giữa mức độ tham gia giáo dục với loại khuyết tật mà trẻ mắc. Số liệu Điều gia quốc gia về người khuyết tật cho thấy: trong số trẻ khuyết tật đang đi học, gần một nửa có khuyết tật về trí tuệ (46%), tiếp theo là khuyết tật nhìn (17%), khuyết tật nghe - nói (13%) và khuyết tật vận động (11%). Các em chủ yếu học hòa nhập ở các trường mầm non và phổ thông. 94,2% trẻ khuyết tật học ở các trường/lớp hòa nhập

(cùng với các bạn không khuyết tật), 5,6% trẻ khuyết tật học trong các lớp dành riêng cho trẻ khuyết tật.

Tính đến tháng 12 năm 2020, Việt Nam đã hình thành hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục cấp tỉnh và cấp huyện ở 18 tỉnh/ thành phố; đã có 20 trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp tỉnh, và cấp huyện, 7 trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật, 105 cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập (Ủy ban quốc gia người khuyết tật Việt Nam, 2020, Báo cáo kết quả thực hiện Đề án Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 (Đề án 1019)) (xem Biểu đồ 3).

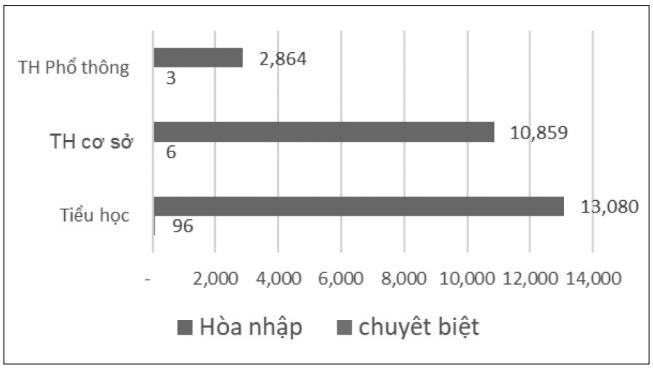

Biểu đồ 3: Số lượng cơ sở GD chuyên biệt

Trong số 105 trường chuyên biệt công lập dành cho trẻ khuyết tật, có tới 96 trường chuyên biệt cấp Tiểu học, 3 trường chuyên biệt cấp THCS và chỉ có 03 trường liên cấp (cấp 1, cấp 2, cấp 3) (dành cho trẻ khuyết tật nghe - nói và trẻ mù). Điều này cho thấy, ngoại trừ trẻ mù và khuyết tật nghe - nói, các nhóm trẻ khuyết tật khác khi tham gia giáo dục chuyên biệt chưa có cơ hội để tiếp cận giáo dục ở các cấp học cao hơn cấp Tiểu học. Học hết cấp Tiểu học, phần lớn trẻ khuyết tật sẽ tham gia học nghề hoặc ở nhà.

Điểm đáng lưu ý là phần lớn các cơ sở giáo dục công lập dành cho trẻ khuyết tật lại tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn, nơi có điều kiện thuận lợi trong khi vùng núi, hải đảo, điều kiện khó khăn lại thiếu hoặc không có (Báo cáo Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn (2019)). Riêng Thành phố Hồ Chí Minh có 16 trường chuyên biệt công lập, rải đều ở tất cả các quận/huyện; 01 trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập cấp Thành phố và 2 trường chuyên biệt chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ thành Trung tâm Hỗ trợ giáo dục hòa nhập cấp quận/huyện (Trường chuyên biệt Bình Chánh và Trường chuyên biệt Hướng Dương, Tân Bình). Trong khi đó, các tỉnh như Cào Lai, Sơn La, Hà Giang, Quảng Nam, Bác Liêu… chưa có cơ sở giáo dục chuyên biệt dành riêng cho trẻ khuyết tật.

Chủ trương tinh giảm đầu mối các cơ quan nhà nước là một trong những nguyên nhân khiến nhiều tỉnh/thành phố có điều kiện và mong muốn xây dựng mới cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật nhưng chưa thực hiện được. Bên cạnh đó, Bộ GD&ĐT chưa ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể và quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển giáo dục hòa nhập cũng khiến các địa phương gặp khó khăn trong quá trình triển khai. Vì thế, sau 09 năm thực hiện Thông tư liên tịch số 58/2012/TTLT – BGD ĐT – BLĐTBXH vẫn còn 35 tỉnh/thành phố chưa thành lập được trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.

- Về chương trình, sách giáo khoa và học liệu dành cho trẻ khuyết tật

Báo cáo giám sát công tác giáo dục người khuyết tật của Ban Chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn chỉ rõ: 100% các cơ sở giáo dục công lập, có HS khuyết tật tham gia học tập, thiếu trang thiết bị và đồ dùng dạy học (Báo cáo giám sát công tác giáo dục người khuyết tật của ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, Bộ GD&ĐT, 2016, 2017, 2018, 2019) nhóm trẻ khuyết tật nghe - nói; khuyết tật vận động; khuyết tật trí tuệ… hiện dùng sách và học liệu như các HS không khuyết tật. Việc không có học liệu đặc thù khiến HS khuyết tật và giáo viên gặp rất nhiều khó khăn trong dạy học hòa nhập. Theo Khoản 3 Điều 25 Luật Người khuyết tật (2010) nêu rõ, người khuyết tật nhìn được học bằng chữ nổi Braille theo chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, việc chuyển đổi và in ấn sách chữ nổi dựa trên nguồn kinh phí xã hội hóa bị hạn chế nên nhiều HS mù chưa có hoặc cùng sử dụng chung một bộ sách giáo khoa.

Bộ GD&ĐT đã ban hành 03 chương trình giáo dục dành cho các HS cấp Tiểu học có khuyết tật vào năm 2010: 1/ Chương trình dành cho HS khuyết tật trí tuệ; 2/ Chương trình giáo dục dành cho HS khiếm thính; 3/ Chương trình giáo dục dành cho HS khiếm thị. Mặc dù Bộ GD&ĐT đã ban hành quyết định thành lập nhóm tác giả biên soạn 03 bộ sách giáo khoa, một số sách giáo khoa đã được biên soạn và thẩm định nhưng do thiếu nguồn kinh phí nên đến nay sách chưa được xuất bản. Vì vậy, trong suốt 10 năm qua, HS khuyết tật học tập tại các các cơ sở giáo dục chuyên biệt không có sách giáo khoa theo chương trình chuyên biệt mà sử dụng sách giáo khoa chung với HS phổ thông.

Một điểm cần lưu ý là, dù đã có các thông tư quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia, đối với nhà trường phổ thông, tuy nhiên các tiêu chí về cơ sở vật chất, học liệu dành cho HS khuyết tật hầu như không được đề cập, ngoại trừ mục bàn ghế phù hợp và có phòng hỗ trợ ở trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 3 (Thông tư 17*/2018/TT-BGDĐ* ngày 22 tháng 8 năm 2018, Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư 17*/2018*/*TT-BGDĐ* ngày 22 tháng 8 năm 2018, Bộ GD&ĐT đã ban hành Thông tư Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công

nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học).

- Về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí và nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật

Luật Người khuyết tật 2010 chỉ rõ: Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật. Giáo dục bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt được thực hiện trong trường hợp chưa đủ điều kiện để người khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập. Nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục tham gia giáo dục người khuyết tật, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về chuyên môn, nghiệp vụ và kĩ năng đáp ứng nhu cầu giáo dục người khuyết tật.

Trước năm 2020, có 02 trường cao đẳng sư phạm (Cao đẳng Sư phạm Trung ương và Cao đẳng Mẫu giáo Trung ương 3) và 03 trường đại học sư phạm (Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Thủ Đô; Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh) đào tạo ngành Giáo dục đặc biệt với 03 chuyên ngành: 1/ Giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ; 2/ Giáo dục trẻ khuyết tật nghe nói; 3/ Giáo dục hòa nhập. Hàng năm, các trường này đào tạo được gần 600 giáo viên dạy trẻ khuyết tật. Tập huấn giáo dục hòa nhập cho 600 - 700 cán bộ quản lí và từ 2.000 - 2.500 giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông cốt cán của 63 tỉnh/thành phố về nghiệp vụ giáo dục hòa nhập cho HS khuyết tật để những người này tiến hành tập huấn, hướng dẫn cho giáo viên tại các địa phương về giáo dục hòa nhập, tiếp tục phát triển mạng lưới giáo viên dạy trẻ khuyết tật trong cả nước (Ủy ban Quốc gia người khuyết tật Việt Nam, 2020, Báo cáo kết quả thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 (Đề án 1019)). Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ GD&ĐT, giáo viên bậc học Mầm non thiếu về số lượng và chưa đảm bảo chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật. Trên quy mô toàn quốc 1/7 giáo viên mầm non được đào tạo; 1/6 số trường Tiểu học; 1/10 số trường THCS có giáo viên được đào tạo phù hợp để dạy học hòa nhập cho trẻ em khuyết tật (Tổng cục Thống kê, 2019, Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật 2016).

Sở dĩ có hiện trạng trên do các cơ sở giáo dục công lập bậc Mầm non và cấp Tiểu học, THCS; THPT không có vị trí giáo viên can thiệp/giáo dục trẻ khuyết tật. Vì thế, các giáo viên tốt nghiệp ngành Giáo dục đặc biệt khó có cơ hội làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập. Phần lớn các giáo viên được đào tạo về giáo dục đặc biệt dạy ở các trường ngoài công lập hoặc trung tâm can thiệp dành cho trẻ khuyết tật. Cũng giống như các trường chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các cơ sở can thiệp trẻ khuyết tật thường tập trung ở các thành phố lớn hoặc địa phương có điều kiện. Dự báo, trong thời gian tới, tình hình thiếu giáo viên được đào tạo về dạy trẻ khuyết tật, nhất là ở bậc Mầm non sẽ trở nên trầm trọng hơn khi từ năm 2020, hai trường cao đẳng sư phạm không được phép tuyển sinh viên ngành Giáo dục đặc biệt.

Theo Quyết định số 23/2006/QĐ-BGDĐ (ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2006), quy định về giáo dục hướng nghiệp dành cho người tàn tật và khuyết tật: Những cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông có trên 20 người khuyết tật học hòa nhập được bổ nhiệm thêm một phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục hòa nhập. Thực tế cho thấy, rất ít trường, địa phương thực hiện được chủ trương này, vì thế thông tư Số: 03/2018/TT-BGDĐT, Quy định về thực hiện giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật đã bỏ nội dung này.

Chức danh nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được công nhận tại Việt Nam từ năm 2016 (Thông tư liên tịch 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập), đánh dấu một bước tiến quan trọng trọng việc định danh và phát triển nguồn nhân lực chất lượng phục vụ công tác giáo dục người khuyết tật. Tuy nhiên đến nay, ở các địa phương do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan vị trí này chưa được tuyển dụng. Năm học 2020 - 2021, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được Bộ GD&ĐT cho phép tuyển sinh 40 chỉ tiêu, tuy nhiên kết quả chỉ có 4 sinh viên nhập học chuyên ngành này.

Cùng với sự hạn chế về cơ sở hạ tầng, phương tiện, học liệu dạy học; thiếu ngân sách công dành cho giáo dục trẻ khuyết tật thì việc thiếu giáo viên, nhân viên, cán bộ được đào tạo đầy đủ về giáo dục đặc biệt được xác định là khó khăn chính cản trở việc tiếp cận và công bằng giáo dục của trẻ khuyết tật. Vì thế, nếu không có những biện pháp và chính sách kịp thời trong thời gian tới thì hiện trạng thiếu giáo viên, nhân viên có chuyên môn dạy trẻ khuyết tật là một thực tiễn mà ngành Giáo dục cần phải đối mặt.

3. Kết luận

a. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục người khuyết tật đảm bảo quyền được tiếp cận công bằng về địa lí với cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật.

- Phân công bộ phân chuyên trách thu thập cơ sở dữ liệu, liên quan đến các lĩnh vực giáo dục người khuyết tật đủ để có thể phục vụ công tác xây dựng kế hoạch hành động giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Xây dựng và ban hành Thông tư về Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.

- Xây dựng và ban hành danh mục thiết bị và học liệu tối thiểu giáo dục phổ thông dành cho HS khuyết tật.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cho giáo dục HS khuyết. Đảm bảo mọi sinh viên sư phạm đều được đạo tào các học phần cơ bản về giáo dục trẻ khuyết tật.

- Phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực dành cho trẻ khuyết tật đang học hòa nhập; Biên soạn và ban hành sách phát triển kĩ năng đặc thù; tài liệu hướng dẫn tổ chức dạy học hòa nhập cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật các cấp, bậc học.

- Phát triển chương trình giáo dục và biên soạn sách giáo khoa bổ trợ dành cho trẻ khuyết tật đang học trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt tiếp cận với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Phối hợp với với ủy ban nhân dân các tỉnh thúc đẩy thực hiện thống nhất chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo dạy người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo đúng tinh thần NĐ 28/TTg năm 2012.

b. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố

- Chỉ đạo các ngành, cấp ủy, chính quyền các địa phương phối hợp tập trung ngồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng cho giáo dục như: xây dựng trường, lớp, các phòng chức năng, thiết bị, hỗ trợ tổ chức dạy học được hiệu quả.

- Cấp ủy, chính quyền và ngành Giáo dục các địa phương, nhất là vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số/ miền núi, hải đảo,… trong quá trình chỉ đạo, thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục cần đặc biệt quan tâm tới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng, phụ huynh HS về quyền trẻ em, tiếp cận giáo dục, đặc biệt là với trẻ em/HS người dân tộc thiểu số, người khuyết tật là chủ thể của quá trình giáo dục.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban chỉ đạo Tổng Điều tra dân số và nhà ở trung ương, (2019), *Báo cáo Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 2019.*

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), *Báo cáo Trẻ em ngoài nhà trường: Nghiên cứu của Việt Nam.*

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2014), *Báo cáo Quốc gia về giáo dục cho mọi người 2015.*

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2016), *Báo cáo Phân tích ngành Giáo dục (Giáo dục phổ thông Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015).*

[5] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (2016), *Báo cáo 5 năm thực hiện Luật Người khuyết tật.*

[6] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, (2018), *Báo cáo Quốc gia lần thứ nhất về thực thi công ước Liên hiệp quốc về Quyền của người khuyết tật (theo hướng dẫn của Liên hiệp quốc).*

[7] Luật số: 43/2019/QH14, (14/6/2019), *Luật Giáo dục.*

[8] Luật số: 51/2010/QH12, (17/06/2010), *Luật Người khuyết tật.*

[9] Quyết định 711/QĐ- TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 phê duyệt *"Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020".*

[10] Tổng cục Thống kê, (2019), *Việt Nam điều tra quốc gia người khuyết tật năm 2016.*

[11] UNICEF, (2017), *Nghiên cứu thực trạng can thiệp sớm Việt Nam,* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

[12] Ủy ban quốc gia về người khuyết tật Việt Nam, (2015), *Báo cáo Kết quả công tác về người khuyết tật năm 2015, Phương hướng, nhiệm vụ năm 2016.*

[13] Ủy ban quốc gia về người khuyết tật Việt Nam, (2016), *Báo cáo Kết quả công tác về người khuyết tật năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ năm 2017.*

[14] Ủy ban quốc gia về người khuyết tật Việt Nam, (2017), Báo cáo Kết quả công tác về người khuyết tật năm 2017, Phương hướng, nhiệm vụ năm 2018.

[15] Ủy ban quốc gia về người khuyết tật Việt Nam, (2018), *Báo cáo Kết quả công tác về người khuyết tật năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.*

[16] Ủy ban quốc gia về người khuyết tật Việt Nam, (2019), *Báo cáo Kết quả công tác về người khuyết tật năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.*

[17] Ủy ban quốc gia về người khuyết Viêt Nam, (2020), *Báo cáo kết quả thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020* (Đề án 1019).

[18] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Giáo dục mầm non, *Báo cáo Tổng kết năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019.*

ACCESS AND EQUITY IN EDUCATING CHILDREN WITH DISABILITIES IN THE PERIOD 2011-2020

Nguyen Thi Kim Hoa

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: hoantk@vnies.edu.vn

ABSTRACT: *Achieving aquity in education is both a goal to be reached and an important criterion for the development of a country's educational level. By using documentary research method and focusing on the reports of the Government, National Assembly, Ministries, agencies and international organizations, this article aims to examine the current status of educational participation of children with disabilities in the period 2011-2020. Based on the specific data and findings, the authors offer some solutions to ensure the educational access and equity for children with disabilities in the next period.*

KEYWORDS: Children with disabilities, educational access, educational equity.